TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K- TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 03/7/2019
"V/v: Yêu cầu không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và Ông Ngô Gia Khánh.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Thị Ninh, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** bà Đặng Thị Doan, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 48/2019/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về " Yêu cầu không công nhận vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị V, sinh năm 1971; ĐKHKTT: phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Hiện trú tại: Số 7, ngõ 171, đường T, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (có mặt).

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1969; ĐKHKTT và trú tại: số nhà 43, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị V trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: Chị quê gốc tại xã N, huyện , tỉnh Ninh Bình nay thuộc phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình và anh Trần Văn T quê gốc tại xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình nay thuộc: phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình . Sau thời gian tìm hiểu về chung sống với nhau từ năm 1992 không có đăng ký kết hôn; sau đó mua nhà đăng ký thường trú tại tại số nhà 43, phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau một thời gian chung sống chị và anh T xảy ra mâu thuẫn; nguyên nhân do anh T chơi bời cờ bạc, không quan tâm đến chị và các con, còn ghen tuông vô cớ. Mặc dù chị đã chịu đựng một thời gian dài nhưng anh T không thay đổi nên chị đã bỏ về sinh sống tại nhà bố mẹ đẻ ở phường Đ, thành phố N,

tỉnh Ninh Bình, sống ly thân với anh T. Đến nay chị cảm thấy mâu thuẫn của chị và anh T không thể khắc phục, không thể chung sống với nhau được nữa. Chị đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh T là vợ chồng.

Về con chung: Chị xác định chị và anh T có 02 con chung là Trần Văn T sinh năm 1992 và Trần Văn T1 sinh năm 1994. Hiện các con chung đều đã trưởng thành tự lập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản: Chị xác định chị và anh T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T: Mặc dù có mặt tại nơi cư trú; được Tòa án gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác hợp lệ nhưng anh từ chối nhận ; anh không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối yêu cầu khởi kiện của chị V. Tại biên bản sự việc ngày 26/4/2019 anh T cho rằng anh và chị V không phải là vợ chồng nên không phải giải quyết gì cả, chị V tự yêu cầu thì chị V tự làm việc với Tòa án và sẽ không lên Tòa án để làm việc.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K: Nguyên đơn, và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định của BLTTDS. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 Luật HNGĐ; Điều 147, 227, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14: Không công nhận là vợ chồng giữa chị Phạm Thị V và anh Trần Văn T; chị V phải nộp án phí yêu cầu không công nhận vợ chồng sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị V khởi kiện yêu cầu giải quyết việc không công nhận vợ chồng với anh Trần Văn T, cư trú tại phố P, thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Trần Văn T đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn

[2] Về yêu cầu khởi kiện: theo chị Phạm Thị V trình bày chị và anh Trần Văn T về chung sống với nhau từ năm 1992 không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống của anh chị phát sinh mâu thuẫn do anh T chơi bời, cờ bạc, không quan tâm đến vợ con nên chị đã bỏ về sinh sống cùng bố mẹ đẻ tại Phường Đông Thành, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Về phía anh T mặc dù nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án của Tòa án nhưng không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện không công nhận là vợ chồng của chị V. Khi đại diện Tòa án tới nơi cư trú tiến hành lấy lời khai ngày 26/4/2019 thì anh T cho rằng anh và chị V không phải là vợ chồng nên không phải giải quyết gì cả, chị V tự yêu cầu thì chị V tự làm việc với Tòa án và sẽ không lên Tòa án để làm việc.

Căn cứ vào các chứng cứ do chị V cung cấp là đơn xin xác nhận đề ngày 27/07/2018 có xác nhận của UBND phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; xác nhận của UBND xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình; xác nhận của UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình đều xác định chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn cho chị Phạm Thị V và anh Trần Văn T.

Xác minh tại địa phương thì đại diện UBND thị trấn P cho biết anh T và chị V về chung sống với nhau từ trước đến nay không có đăng ký kết hôn và có 02 con chung và tài sản chung; hiện nay chị V không còn chung sống với anh T tại phố P nữa các con chung của anh chị đều đã trưởng thành tự lập. Nay chị V làm thủ tục yêu cầu không công nhận vợ chồng với anh Trần Văn T, địa phương yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định anh T và chị V không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, do mâu thuẫn trong cuộc sống chung không thể khắc phục, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa, vì vậy yêu cầu không công nhận vợ chồng của chị V theo quy định tại Điều 15 Luật HNGĐ là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung : Quá trình chung sống chị Phạm Thị V và anh Trần Văn T có 02 con chung là Trần Văn T, sinh năm 1992 và Trần Văn T1, sinh năm 1994, hiện các con chung đã trưởng thành tự lập nên chị V không yêu cầu giải quyết. Về phía anh T không có ý kiến gì về nội dung này

Xét các con chung của anh T và chị V đều đã thành niên; Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề con chung.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị V trình bày chị và anh Trần Văn T sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung. Anh T không có ý kiến phản đối. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề tài sản chung

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị V phải nộp toàn bộ án phí không công nhận vợ chồng sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 14 Luật HNGĐ; Điều 147, 227 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Không công nhận vợ chồng giữa chị Phạm Thị V và anh Trần Văn T.

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị V phải nộp 300.000đ án phí không công nhận vợ chồng sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA2994 ngày 28/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND thị trấn P;
- UBND xã L;
- Các đương sự;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Phạm Thế Anh
(Đã ký)